

Số: /QĐ-SYT

Thanh Hóa, ngày tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch khám bệnh, chữa bệnh cho các Bệnh viện công lập trong toàn ngành, năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc năm 2017 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế tự chủ tại các bệnh viện công lập thuộc tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các Bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020 được phê duyệt tại Quyết định 2782/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4164/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tăng chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh cho Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Công văn số 19477/UBND-VX ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc tiếp tục thực hiện tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thanh Hóa đến hết năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 201/KH-SYT ngày 14/01/2022 của Giám đốc Sở Y tế về việc thực hiện Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2021 và đăng ký chỉ tiêu năm 2022 của các đơn vị;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế Thanh Hoá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch khám bệnh, chữa bệnh cho các Bệnh viện công lập trong toàn ngành, năm 2022 (*có phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các phòng thuộc Sở Y tế và các Bệnh viện:

1. Các phòng thuộc Sở Y tế: Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã giao.

2. Các Bệnh viện: Căn cứ chỉ tiêu được giao lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch hàng quý, 6 tháng và cả năm về Sở Y tế theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng của Sở Y tế, Giám đốc các Bệnh viện tuyến tỉnh, Bệnh viện Đa khoa các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Giám đốc, các Phó giám đốc Sở;
- Các phòng của Sở Y tế (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC01.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Hùng

Phụ lục: CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KHÁM, CHỮA BỆNH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày /02/2022 của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hóa)

STT	Bệnh viện	Số giường bệnh			Tổng số lần khám bệnh tại PKBV	Điều trị nội trú	
		Tổng	Giường KH đã giao	Giường điều chỉnh theo cơ chế tự chủ		Tổng số BN điều trị nội trú	Tổng số ngày điều trị nội trú
I	Tổng tuyến tỉnh	5.790	3.920	1.870	722.250	224.680	1.824.205
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1.200	800	400	130.000	55.000	440.000
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	360	200	160	70.000	17.000	97.000
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	640	400	240	115.000	36.700	221.100
4	Bệnh viện Phụ Sản	750	500	250	65.000	18.000	165.000
5	Bệnh viện Phổi	500	220	280	23.000	7.500	130.000
6	Bệnh viện Tâm Thần	270	220	50	38.000	4.900	120.000
7	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh	120	120	0	2.750	2.630	42.705
8	Bệnh viện Y dược cổ truyền	230	170	60	5.500	5.000	85.000
9	Bệnh viện Mắt	180	120	60	28.000	9.000	63.000
10	Bệnh viện Da Liễu	100	100	0	35.000	3.500	36.500
11	Bệnh viện Nhi	750	500	250	180.000	57.650	345.900
12	Bệnh viện Nội tiết	240	120	120	85.000	7.800	78.000
13	Bệnh viện Ung Bướu	450	450	0	49.000	26.500	230.000
II	Tổng tuyến huyện	6.040	3.080	2.960	1.875.581	367.087	2.043.961
1	Bệnh viện đa khoa TP Sầm Sơn	160	80	80	47.118	12.170	66.935
2	Bệnh viện đa khoa Thị xã Bim Sơn	170	90	80	70.000	10.000	62.050
3	Bệnh viện đa khoa TP Thanh Hoá	230	150	80	100.000	20.000	124.000
4	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	300	150	150	96.995	19.000	102.600
5	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	290	140	150	125.000	23.500	129.250
6	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hoá	340	180	160	105.000	18.300	108.300
7	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	340	180	160	90.000	17.050	95.480
8	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung	350	150	200	110.000	21.000	127.750
9	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn	200	100	100	54.000	9.350	58.380

STT	Bệnh viện	Số giường bệnh			Tổng số lần khám bệnh tại PKBV	Điều trị nội trú	
		Tổng	Giường KH đã giao	Giường điều chỉnh theo cơ chế tự chủ		Tổng số BN điều trị nội trú	Tổng số ngày điều trị nội trú
10	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá	240	120	120	92.000	15.700	91.000
11	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	280	140	140	92.565	16.579	99.474
12	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	200	100	100	73.000	12.500	75.000
13	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	360	180	180	131.300	20.854	105.120
14	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	270	140	130	85.000	16.000	90.000
15	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	320	160	160	122.282	19.862	107.892
16	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	260	130	130	110.000	24.000	120.000
17	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	290	150	140	84.990	18.000	105.640
18	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	260	130	130	55.501	11.790	61.196
19	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	180	80	100	26.330	9.032	38.194
20	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hoá	140	80	60	25.000	8.000	40.000
21	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	120	70	50	15.000	4.500	22.000
22	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	130	70	60	18.000	6.000	36.000
23	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	200	100	100	43.000	9.500	55.100
24	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	170	90	80	42.500	9.000	45.000
25	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	240	120	120	61.000	15.400	77.600
	Toàn tỉnh	11.830	7.000	4.830	2.597.831	591.767	3.868.166